

Số: 15 /HDLN-SKHCN-SNV

Bến Tre, ngày 22 tháng 01 năm 2012

HƯỚNG DẪN LIÊN NGÀNH

Về việc xét công nhận đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm để làm cơ sở xét công nhận đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Sở Khoa học và Công nghệ, Thường trực Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn thực hiện việc xét công nhận đề tài, sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở và cấp tỉnh để làm cơ sở xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua hàng năm, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1.1. Mục đích

- Nhằm ghi nhận những đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm của các cá nhân trong việc nâng cao năng suất lao động, hiệu suất công tác góp phần cùng cơ quan đơn vị, doanh nghiệp, địa phương thực hiện tốt các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

- Làm cơ sở giúp Hội đồng Thi đua Khen thưởng cấp tỉnh xét công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh. Đồng thời, giúp các Sở, ngành, huyện, thành phố (cơ quan, đơn vị) vận dụng triển khai thực hiện để xét công nhận đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm để làm cơ sở xét công nhận đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

1.2. Yêu cầu

- Việc công nhận sáng kiến nhằm tôn vinh giá trị tinh thần; có tác dụng động viên cá nhân tích cực đầu tư, nghiên cứu để hình thành các đề tài, sáng kiến, đúc kết kinh nghiệm; phấn đấu thi đua đạt thành tích cao, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

- Đảm bảo nguyên tắc xét công nhận chặt chẽ, khách quan, dân chủ, công bằng và đúng thực chất. Khắc phục sự cảm tính trong công nhận, phô trương hình thức và bệnh thành tích.

II. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm

Trong Hướng dẫn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- *Đề tài, Sáng kiến (sau đây gọi chung là sáng kiến)* là việc nghiên cứu tạo ra hoặc cải tiến các giải pháp có tính mới: giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật mang lại hiệu quả cao.

- *Việc đúc kết kinh nghiệm được xem là sáng kiến* khi thể hiện rõ sự đúc kết, chất lọc và hệ thống lại những kinh nghiệm thực tiễn thành quy trình, quy chuẩn có tính mới để triển khai thực hiện đạt kết quả cao hơn.

- *Giải pháp kỹ thuật* là các giải pháp cụ thể mang tính kỹ thuật trong hoạt động hành chính, sự nghiệp và hoạt động kinh tế (hoạt động kinh tế bao gồm các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ).

- *Giải pháp quản lý* là phương pháp tổ chức, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động hành chính, sự nghiệp và hoạt động kinh tế....

- *Giải pháp tác nghiệp* là phương pháp thực hiện thao tác nghiệp vụ cụ thể trong hoạt động hành chính, sự nghiệp, kinh tế.

- *Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật* là phương pháp kỹ thuật, bí quyết áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

- *Sáng kiến cấp cơ sở* là sáng kiến đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại mục 2.2 hướng dẫn này có quy mô áp dụng trong phạm vi huyện, thành phố; sở, ban, ngành tỉnh được Giám đốc Sở và tương đương, hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ra quyết định công nhận.

- *Sáng kiến cấp tỉnh* là sáng kiến đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại mục 2.2 hướng dẫn này có quy mô ứng dụng rộng, có tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định công nhận.

- *Tác giả sáng kiến* là người trực tiếp nghiên cứu tạo ra hoặc cải tiến các giải pháp có tính mới tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình.

- *Đồng tác giả sáng kiến* là những tác giả cùng nhau nghiên cứu tạo ra hoặc cải tiến các giải pháp có tính mới tạo ra sáng kiến. Số lượng người được gọi là đồng tác giả của 01 (một) sáng kiến, hoặc 01 (một) sáng kiến tập thể không được quá 03 (ba) người.

2.2. Điều kiện và tiêu chuẩn được xem là sáng kiến

a) Điều kiện

Sáng kiến phải đáp ứng được ít nhất là ba điều kiện sau đây:

- Có tính mới trong phạm vi cơ quan, tổ chức.
- Có khả năng áp dụng và đã được áp dụng hoặc áp dụng thử (thí điểm)
- Kết quả áp dụng hoặc áp dụng thử mang lại lợi ích thiết thực.

b) Tiêu chuẩn

- Sáng kiến được xem là mới, tính đến trước thời điểm đăng ký sáng kiến hoặc thời điểm áp dụng sáng kiến, sáng kiến đó phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Chưa được công bố, sử dụng, mô tả bằng văn bản hay bất kỳ hình thức nào.

+ Chưa được áp dụng, đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến.

+ Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm.

+ Không trùng với nội dung của các giải pháp đã đăng ký sáng kiến trước.

- Có khả năng áp dụng, sáng kiến được đánh giá có mức độ thực hiện và khả năng triển khai, áp dụng cho các đơn vị, cá nhân cùng ngành, lĩnh vực hoặc rộng rãi cho nhiều ngành, địa phương trong thực tế đạt hiệu quả.

- Mang lại lợi ích thiết thực, việc áp dụng sáng kiến đó đã được số đông thừa nhận là đã mang lại hiệu quả cụ thể cho cơ quan, tổ chức như: nâng cao hiệu quả hoạt động hành chính – sự nghiệp, hiệu quả kinh tế (nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hiệu quả kỹ thuật) hoặc lợi ích xã hội (nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường,...), nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công tác.

2.3. Thang điểm và phương pháp chấm điểm

a) Thang điểm

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm
1	Sáng kiến có yếu tố mới và sáng tạo (chỉ chọn 01 (một) trong 05 (năm) nội dung bên dưới)	3
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	3
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	2
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	1.5
1.4	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ ít hơn trung bình	1
1.5	Không có yếu tố mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	0

2	Sáng kiến có khả năng áp dụng (<i>chi chọn 01 (một) trong 04 (bốn) nội dung bên dưới</i>)	3
2.1	Có khả năng áp dụng trong toàn tỉnh hoặc ngoài tỉnh	3
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra ở một số đơn vị trong tỉnh	2
2.3	Có khả năng áp dụng ở mức độ ít trong đơn vị	1
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	0
3	Sáng kiến có tính hiệu quả (<i>chi chọn 01 (một) trong 05 (năm) nội dung bên dưới</i>)	4
3.1	Có hiệu quả trong phạm vi toàn tỉnh	4
3.2	Có hiệu quả trong phạm vi cơ quan, đơn vị cấp Sở, ngành, huyện	3
3.3	Có hiệu quả trong phạm vi cấp xã, phòng, ban và tương đương	2
3.4	Ở mức độ làm cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo	1
3.5	Không có hiệu quả cụ thể	0
	Tổng cộng:	10

b) Phương pháp chấm điểm

- Cả nhân có sáng kiến phải có báo cáo sáng kiến gửi về thường trực Hội đồng sáng kiến để đề nghị công nhận sáng kiến và làm cơ sở cho Hội đồng sáng kiến xét duyệt.

- Từng thành viên của Hội đồng sáng kiến nhận xét, đánh giá và độc lập chấm điểm bằng phiếu kín. Số điểm đạt được là điểm trung bình cộng của tất cả các thành viên trong Hội đồng.

- Khi cần thiết, Hội đồng sáng kiến mời cả nhân đề nghị công nhận sáng kiến đến cuộc họp trình bày (bảo vệ) sáng kiến của mình.

2.4. Phân loại sáng kiến

Căn cứ vào kết quả chấm điểm, Hội đồng sáng kiến phân loại sáng kiến như sau:

- Sáng kiến cấp cơ sở: Nếu kết quả chấm điểm có tổng số điểm đạt từ 5 (năm) điểm trở lên thì được công nhận là sáng kiến cấp cơ sở và sẽ được Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở công nhận sáng kiến cấp cơ sở. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở chỉ chọn lọc gửi lên Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xem xét công nhận sáng kiến cấp tỉnh cho các sáng kiến được hội đồng sáng kiến cấp cơ sở chấm đạt từ 07 (bảy) điểm trở lên.

- Sáng kiến cấp tỉnh: những sáng kiến cấp cơ sở được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xét chấm điểm có số điểm đạt từ 8 (tám) điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào từ 1,5 điểm trở xuống thì Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận sáng kiến cấp tỉnh.

2.5. Hội đồng sáng kiến

a) Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở

- Giám đốc Sở và tương đương, hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ra quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở;

- Thành phần Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở và tương đương, hoặc lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Phó Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Công Đoàn của cơ quan, đơn vị hoặc Chủ tịch Liên đoàn lao động cấp huyện và thành phố; Các ủy viên là những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp, các đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan đơn vị.

- Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở:

+ Đối với cấp huyện là đại diện Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện, Phòng Kinh tế Thành phố.

+ Đối với cấp Sở, ban, ngành, đoàn thể là phòng chuyên môn nghiệp vụ của sở, ban, ngành, đoàn thể, được Giám đốc Sở và tương đương giao nhiệm vụ theo dõi hoạt động sáng kiến (*như: Phòng Khoa học Kỹ thuật - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phòng Kỹ thuật An toàn và Môi trường - Sở Công Thương; ...*)

b) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành xét duyệt sáng kiến cấp tỉnh do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ làm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Sở Nội vụ và một số thành viên Hội đồng là những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định liên quan đến lĩnh vực các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp, các đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện tham gia Hội đồng.

- Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ;

- Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh chỉ xem xét, công nhận những sáng kiến đã được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở công nhận và đề nghị lên.

2.6. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến

- Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại mục 2.2 hướng dẫn này và lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết của Hội đồng.

- Các thành viên Hội đồng không được vắng mặt trong các kỳ họp, trừ trường hợp đặc biệt mà vắng mặt thì phải có lý do và phải gửi phiếu nhận xét đánh giá đến cơ quan thường trực của Hội đồng trước khi họp. Các kỳ họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt mới được coi là họp lệ.

- Hội đồng sáng kiến làm việc theo chế độ tập thể, áp dụng nguyên tắc chấm điểm và lấy điểm trung bình cộng của tất cả các thành viên Hội đồng theo thang điểm và phương pháp chấm điểm tại mục 2.3.

- Hội đồng chịu trách nhiệm về việc tư vấn của mình.

- Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến tiếp nhận hồ sơ, xem xét, kiểm tra hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến. Hoặc làm các thủ tục cho rút đơn yêu cầu công nhận sáng kiến khi người đã nộp đơn có yêu cầu.

- Tổ chức xét duyệt và trình cấp thẩm quyền công nhận sáng kiến.

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến là đối tượng được xét duyệt, công nhận.

2.7. Kinh phí đảm bảo hoạt động cho Hội đồng sáng kiến

- Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở được đảm bảo từ nguồn kinh phí của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các sở, ban, ngành, doanh nghiệp trong dự toán khoản chi hàng năm của đơn vị.

- Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh được đảm bảo từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lập dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh trong dự toán của ngành mình trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

- Mức chi cho hoạt động của Hội đồng được vận dụng theo Quyết định số 40/2007/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy định định mức chi đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre (*chi cho 01 buổi làm việc xét tối đa 4 sáng kiến tương đương với xét duyệt thuyết minh 01 đề tài*).

2.8. Thẩm quyền công nhận sáng kiến

- Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở là Giám đốc sở và tương đương, hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.9. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến

a) Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, bao gồm:

- Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo mẫu tại Phụ lục I-a, Phụ lục I-b ban hành kèm theo Hướng dẫn;
- Các tài liệu, giấy tờ, hình ảnh liên quan (nếu có);
- Đối với sáng kiến cấp tỉnh phải có văn bản đề nghị của Giám đốc Sở và tương đương, hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và giấy chứng nhận sáng kiến cấp cơ sở.

b) Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến lập thành 01 bộ (gồm: 01 bản chính và 12 bản sao) gửi về cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh (nếu là sáng kiến cấp tỉnh – *hồ sơ không đóng thành quyển*) hoặc Thường trực Hội đồng sáng kiến cơ sở (nếu là sáng kiến cấp cơ sở số lượng tùy theo yêu cầu của hội đồng sáng kiến cấp cơ sở).

2.10. Tiếp nhận và xem xét hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến

a) Cấp cơ sở: do Thủ trưởng cấp cơ sở quyết định.

b) Cấp tỉnh:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh 02 đợt:
 - + Đợt 1 từ ngày 01/5 đến ngày 25/5 hàng năm;
 - + Đợt 2 từ ngày 15/9 đến ngày 25/10 hàng năm.
- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, thường trực Hội đồng sáng kiến có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ theo mục 2.9 Hướng dẫn này.

2.11. Trình tự xét công nhận sáng kiến

Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn không quá 02 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

- Thường trực Hội đồng sáng kiến kiểm tra, phân loại, tổng hợp hồ sơ đăng ký sáng kiến của cá nhân và tập thể; gửi hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến gửi các thành viên Hội đồng nghiên cứu trước khi họp Hội đồng.

- Sau khi Hội đồng sáng kiến họp bỏ phiếu đánh giá, với những trường hợp đủ điều kiện công nhận là sáng kiến thì Thường trực Hội đồng sáng kiến trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên họp phải trình cấp thẩm quyền ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến.

Giấy chứng nhận sáng kiến theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Hướng dẫn.

2.12. Công nhận sáng kiến

a) Công nhận sáng kiến cấp cơ sở:

- Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở, Giám đốc sở và tương đương, hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ra quyết định công nhận sáng kiến và cấp giấy chứng nhận sáng kiến;

- Giấy chứng nhận sáng kiến được cấp cho cá nhân có sáng kiến. Đối với sáng kiến của một tập thể tác giả (đồng tác giả) thì giấy chứng nhận sáng kiến được cấp có ghi tên từng người;

- Sáng kiến cấp cơ sở được công nhận hàng năm và là tiêu chuẩn để xét, công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở hàng năm.

b) Công nhận sáng kiến cấp tỉnh:

- Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến;

- Giấy chứng nhận sáng kiến cấp tỉnh được cấp cho cá nhân có sáng kiến. Đối với sáng kiến của một tập thể tác giả (đồng tác giả) thì giấy chứng nhận sáng kiến được cấp có ghi tên từng người;

- Sáng kiến cấp tỉnh được công nhận hàng năm và là tiêu chuẩn để xét, công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và Chiến sĩ thi đua toàn quốc hàng năm.

2.13. Các trường hợp được xét đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh

Đối với các sáng kiến đạt một trong các tiêu chí sau đây thì được đặc cách công nhận đạt sáng kiến cấp tỉnh:

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba; Khuyến khích trong Hội thi Sáng tạo Khoa học Kỹ thuật từ cấp tỉnh trở lên.

- Đạt giải thưởng trong các Hội thi sáng tạo, Hội thi kiến thức ở cấp Bộ, Ngành, Đoàn thể Trung ương và cấp quốc gia.

- Đạt giải thưởng trong các cuộc thi quốc tế.

- Có đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp tỉnh, Bộ, Ngành, Trung ương và cấp Nhà nước đã được nghiệm thu đạt kết quả từ loại Khá trở lên.

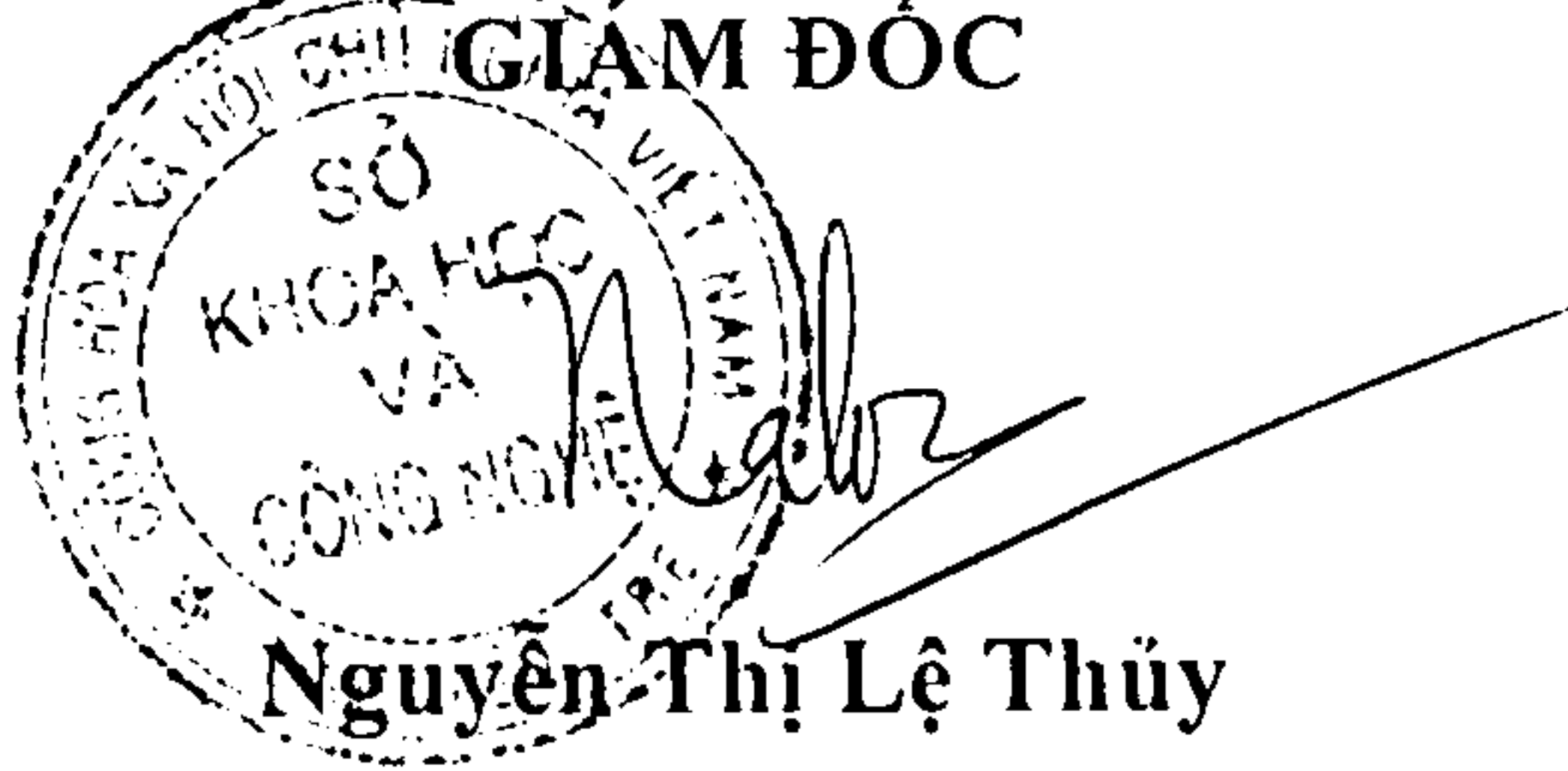
- Có sáng kiến được ứng dụng vào thực tế và có giá trị làm lợi tổng cộng từ 100 triệu đồng (một trăm triệu đồng) trở lên trong năm đầu tiên áp dụng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

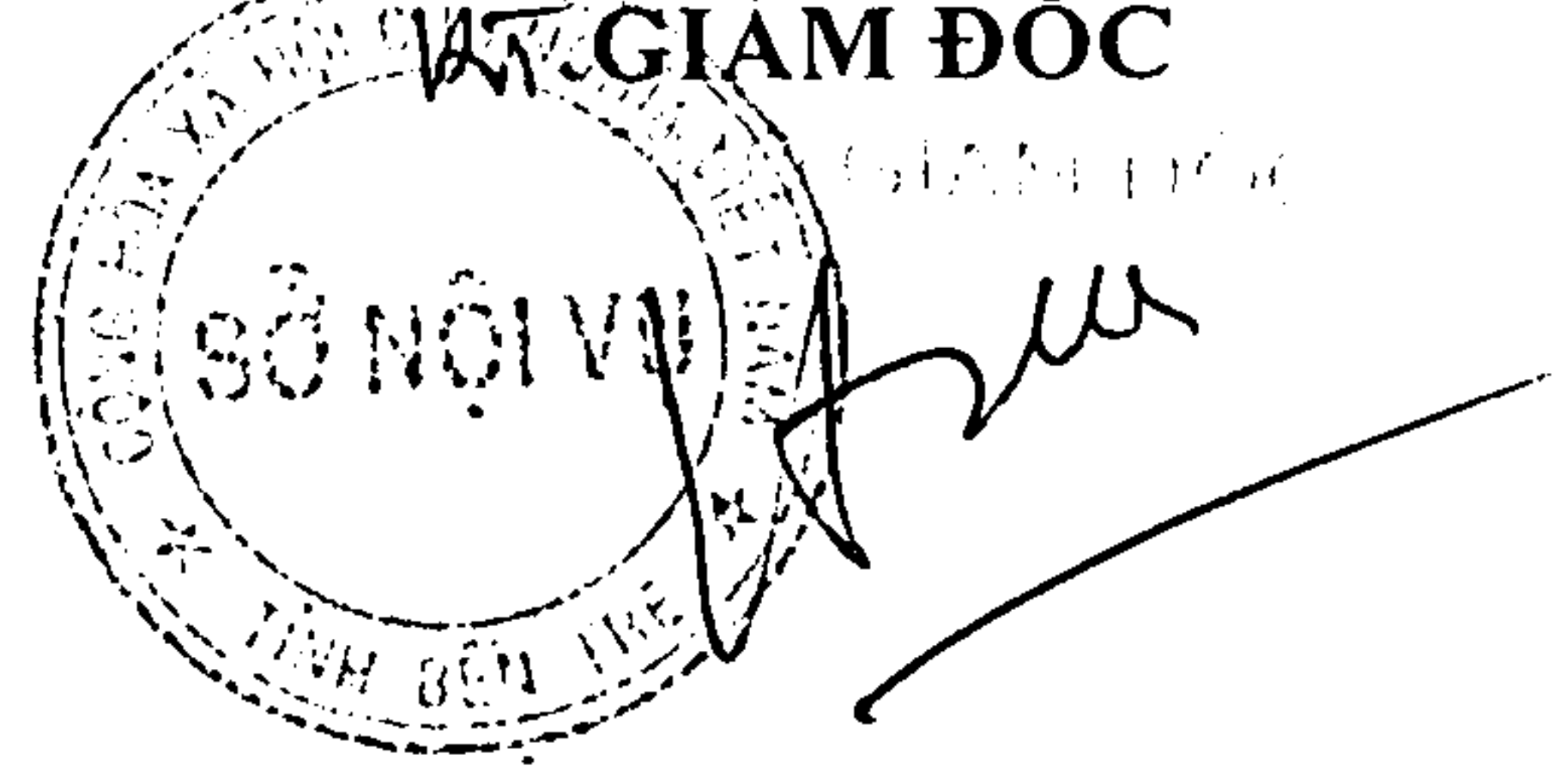
Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan chịu

trách nhiệm theo dõi, thực hiện hướng dẫn này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, tổ chức kịp thời báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Nội vụ để giải quyết và bổ sung sửa đổi cho phù hợp./

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỞ NỘI VỤ



Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, Đoàn thể trong tỉnh;
- Lưu: VT, QLCN, Tủ Quyển 40b.